
2025/973

26.5.2025

QUY ĐỊNH THỰC HIỆN CỦA ỦY BAN (EU) 2025/973

của 23 Tháng Năm 2025

sửa đổi và sửa chữa Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 cho phép một số sản phẩm và chất được sử dụng trong sản xuất hữu cơ và thiết lập danh sách của chúng

(Văn bản có liên quan đến EEA)

ỦY BAN CHÂU ÂU,

Liên quan đến Hiệp ước về Hoạt động của Liên minh châu Âu,

Liên quan đến Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 30 tháng 5 năm 2018 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 [\(1\)](#), và đặc biệt là Điều 24 (9) của nó,

Trong khi đó:

(1) Điều 45 (2) của Quy định (EU) 2018/848 trao quyền cho Ủy ban cấp phép cụ thể cho việc sử dụng các sản phẩm và chất trong các sản phẩm hữu cơ có nguồn gốc từ các nước thứ ba và các khu vực ngoài cùng của Liên minh sẽ được đưa ra thị trường trong Liên minh. Điều 10 của Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/1165 [\(2\)](#) quy định thủ tục cấp phép như vậy, nhưng chỉ liên quan đến các nước thứ ba. Do đó, cần phải quy định thủ tục cấp phép cụ thể cho việc sử dụng các sản phẩm và chất trong các sản phẩm hữu cơ có xuất xứ từ các khu vực ngoài cùng của Liên minh. Vì lý do rõ ràng, danh sách các sản phẩm và chất được cấp phép ở các khu vực ngoài cùng của Liên minh, sau khi có sẵn, nên được thêm vào Phụ lục VI của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165.

(2) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 540/2011 [\(3\)](#) đã được sửa đổi sau khi đánh giá lại các hoạt chất lavandulyl senecioate [\(4\)](#), kali hydro cacbonat [\(5\)](#), pheromone lepidopteran chuỗi thẳng (axetat) [\(6\)](#), mỡ cừu [\(7\)](#) và cát [thạch anh](#)⁽⁸⁾. Để phản ánh những sửa đổi này, các mục đối với kali hydro cacbonat, mỡ cừu và cát thạch anh nên được loại bỏ khỏi điểm 4 của Phụ lục I của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 và các mục cho lavandulyl senecioate, kali hydro cacbonat, pheromone lepidopteran chuỗi thẳng (axetat), mỡ cừu và cát thạch anh phải được đưa vào điểm 2 của Phụ lục đó, trong đó liệt kê các hoạt chất có nguy cơ thấp.

- (3) Theo thủ tục được quy định tại Điều 24(7) của Quy định (EU) 2018/848, các Quốc gia Thành viên đã đệ trình hồ sơ về một số chất nhất định cho các Quốc gia Thành viên khác và Ủy ban, theo quan điểm cho phép và đưa vào Phụ lục I, II, III và V của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165. Những hồ sơ đó đã được kiểm tra bởi Nhóm Chuyên gia Tư vấn Kỹ thuật về Sản xuất Hữu cơ ('EGTOP') và Ủy ban.
- (4) Dựa trên đánh giá gần đây về pheromone lepidopteran chuỗi thẳng trong Quy định thực hiện (EU) 2022/1251 và tài liệu hướng dẫn về hóa chất bán điện [\(9\)](#), pheromone và các hóa chất bán hiệu khác được áp dụng thông qua bẫy hoặc bộ phân phối, dù chủ động hay thụ động. Hơn nữa, Điều 24 (3), điểm (c) (ii) của Quy định (EU) 2018/848 đặt ra các hạn chế về bản chất của các sản phẩm có thể được áp dụng trực tiếp trên các bộ phận ăn được của cây trồng, và trong trường hợp hóa chất ký hiệu, bẫy và máy phân phối phải ngăn chặn tiếp xúc với cây trồng theo Phần I, điểm 1.10.3, của Phụ lục II của Quy định đó. Do đó, cần loại bỏ điều kiện pheromone và các hóa chất bán hiệu khác chỉ được sử dụng trong bẫy và bộ phân phối trong mục nhập bảng cho 'pheromone và các hóa chất bán hiệu khác' ở điểm 4 của Phụ lục I của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165.
- (5) Theo Phụ lục II của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165, các sản phẩm và sản phẩm phụ có nguồn gốc thực vật có thể được sử dụng làm phân bón trong sản xuất hữu cơ, nhưng cũng có thể làm chất điều hòa đất và chất dinh dưỡng theo Phụ lục đó. Do đó, mục 'sản phẩm và sản phẩm phụ có nguồn gốc thực vật cho phân bón' cần được làm rõ và điều chỉnh cho phù hợp.
- (6) Dựa trên các khuyến nghị từ EGTOP về nhà kính [\(10\)](#) và phân bón [\(11\)](#), mục liên quan đến bột đá, đất sét và khoáng chất đất sét trong Phụ lục II của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 nên được sửa đổi bằng cách bổ sung các sản phẩm khác. Ngoài ra, vì bột đá, đất sét và khoáng chất đất sét có thể được sử dụng làm môi trường trồng trong sản xuất hạt nảy mầm, nên việc sử dụng đó phải được đưa vào mục đó phù hợp với các điều kiện cụ thể được nêu trong Phần I, điểm 1.3 (a), của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848.
- (7) Dựa trên các khuyến nghị từ EGTOP liên quan đến nhà kính và phân bón [\(12\)](#), việc sử dụng carbon dioxide nên được phép làm chất dinh dưỡng để làm giàu nước để sản xuất tảo trong các hệ thống khép kín trên đất liền, và chất này phải ở cấp thực phẩm để tránh bất kỳ sự ô nhiễm nào của nước. Hơn nữa, EGTOP đã đánh giá và kết luận tích cực về việc sử dụng carbon dioxide trong sản xuất nhà kính hữu cơ [\(13\)](#). Do đó, việc thêm mục nhập cho carbon dioxide vào Phụ lục II của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 là phù hợp.
- (8) Dựa trên khuyến nghị của EGTOP về phân bón [\(14\)](#), nên cho phép sử dụng canxi axetat nhưng chỉ bón lá trên rau trong nhà kính và trên cây tảo để ngăn ngừa thiếu canxi. Dựa trên các khuyến nghị đó, việc sử dụng canxi photphat cũng nên được phép trong

sản xuất hữu cơ nhưng chỉ khi có nguồn gốc từ tro bùn thải và chỉ khi có trong các sản phẩm tuân thủ các yêu cầu của Quy định (EU) 2019/1009 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ⁽¹⁵⁾. Do đó, Phụ lục II của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 nên được sửa đổi cho phù hợp.

- (9) Dựa trên các khuyến nghị từ EGTOP về phân bón ⁽¹⁶⁾, việc sử dụng thảm xơ thực vật không có thêm bất kỳ phân bón, chất điều hòa đất hoặc các chất dinh dưỡng khác nên được phép làm môi trường trơ trong sản xuất hạt nảy mầm theo Phần I, điểm 1.3(a), của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848. Hơn nữa, trên cơ sở hồ sơ đã nộp, cần phải yêu cầu thảm sợi thực vật đó chỉ được sản xuất cơ học, không sử dụng chất phụ gia hoặc chất kết dính, và sợi thực vật được sử dụng có nguồn gốc hữu cơ. Do đó, Phụ lục II của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 nên được sửa đổi cho phù hợp.
- (10) Dựa trên các khuyến nghị từ EGTOP về phân bón ⁽¹⁷⁾, việc sử dụng canxi và magiê gluconate nên được cho phép, với điều kiện là nó chỉ thu được từ quá trình lên men vi sinh vật và theo các giới hạn nghiêm ngặt. Do đó, Phụ lục II của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 nên được sửa đổi cho phù hợp.
- (11) Phụ lục III của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 cho phép sử dụng 'canxi clorua' và 'propylene glycol' (nguyên liệu thức ăn chăn nuôi) cũng như 'sắt dextran 10%' (phụ gia dinh dưỡng) làm thức ăn cho các mục đích dinh dưỡng cụ thể. Các điều kiện và giới hạn cụ thể cho việc sử dụng đó cần được làm rõ để đảm bảo hiểu đúng về các mục có liên quan. Đặc biệt, cần tham khảo định nghĩa về 'thức ăn chăn nuôi cho mục đích dinh dưỡng cụ thể' trong Quy định (EC) số 767/2009 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ⁽¹⁸⁾ và mục đích dinh dưỡng cụ thể của các chất đó theo Quy định của Ủy ban (EU) 2020/354 ⁽¹⁹⁾.
- (12) Dựa trên các khuyến nghị từ EGTOP về thức ăn chăn nuôi ⁽²⁰⁾ ⁽²¹⁾, protein đơn bào từ *Trichoderma viride* và *Aspergillus oryzae* và các sản phẩm từ *Bacillus subtilis* giàu protein được sử dụng làm nguyên liệu thức ăn, lecithin được sử dụng làm phụ gia thức ăn trong thức ăn cho tất cả các vật nuôi, và ethanol và papain được sử dụng làm chất hỗ trợ chế biến nên được cho phép. Do đó, Phụ lục III của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 nên được sửa đổi cho phù hợp.
- (13) Quy định của Ủy ban (EC) số 2277/2003 ⁽²²⁾ đã cho phép canxi stearat được sử dụng làm phụ gia thức ăn chăn nuôi trong sản xuất hữu cơ. Tuy nhiên, Quy định của Ủy ban (EU) số 892/2010 ⁽²³⁾ liệt kê canxi stearat trong số các sản phẩm không phải là phụ gia thức ăn chăn nuôi. Do đó, vào năm 2012, nó đã bị loại khỏi danh sách các chất phụ gia thức ăn chăn nuôi được ủy quyền trong Quy định của Ủy ban (EC) số 889/2008 ⁽²⁴⁾ theo Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) số 505/2012 ⁽²⁵⁾. Hiện tại, canxi stearat được bao phủ bởi các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi được liệt kê trong bảng ở Phần C, điểm 13, số 13.6.4, của Phụ lục Quy định của Ủy ban (EU) số 68/2013 ⁽²⁶⁾. Do đó, canxi stearat nên được phép làm nguyên liệu thức ăn cho sản

xuất hữu cơ. Phụ lục III của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 cần được sửa đổi cho phù hợp.

(14) Trong Phần B, điểm 1 (a), của Phụ lục III của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165, phụ gia thức ăn chăn nuôi được xác định bằng số phụ gia thực phẩm Châu Âu (số E). Theo Quy định (EC) số 1831/2003 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ⁽²⁷⁾, phụ gia thức ăn chăn nuôi phải được xác định theo nhóm chức năng của chúng. Vì lý do nhất quán, phụ gia thức ăn chăn nuôi cũng nên được xác định bằng mã nhóm chức năng của chúng trong Quy định thực hiện (EU) 2021/1165. Do đó, Phụ lục III của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 nên được sửa đổi cho phù hợp.

(15) Trong các khuyến nghị về việc sử dụng canxi propionate làm chất bảo quản và làm thức ăn chăn nuôi cho các mục đích dinh dưỡng cụ thể²⁰, EGTOP không khuyến nghị đưa canxi propionate vào làm phụ gia thức ăn chăn nuôi, với lý do là canxi clorua có thể được sử dụng cho các mục đích dinh dưỡng cụ thể và canxi propionate không được sử dụng làm chất bảo quản. Tuy nhiên, canxi propionate được hấp thụ chậm hơn canxi clorua và sẽ ngăn ngừa tác dụng kích ứng khi chỉ sử dụng canxi clorua. Trong bảng trong Phần B, mục '60', của Phụ lục Quy định (EU) 2020/354, canxi propionate được liệt kê là thức ăn dành cho các mục đích dinh dưỡng cụ thể. Theo Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2022/415 ⁽²⁸⁾, canxi propionate là một chất phụ gia thức ăn chăn nuôi. Do đó, canxi propionate nên được liệt kê là phụ gia thức ăn chăn nuôi được ủy quyền trong Phụ lục III của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165, với điều kiện là nó chỉ được sử dụng làm thức ăn cho các mục đích dinh dưỡng cụ thể.

(16) Trong các khuyến nghị về việc sử dụng sắt (II) fumarate làm thức ăn cho các mục đích dinh dưỡng cụ thể ⁽²⁹⁾, EGTOP không khuyến nghị đưa sắt (II) fumarate vào Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 vì họ cho rằng dextran sắt được cấp phép trong Quy định thực hiện đó là sản phẩm hiệu quả nhất đối với sự thiếu hụt sắt. Tuy nhiên, sắt dextran và sắt (II) fumarate không phải là lựa chọn thay thế mà cả hai đều cần thiết do trạng thái khác nhau của chúng, với sắt dextran là lỏng và sắt (II) fumarat là rắn. Do đó, sắt (II) fumarate nên được liệt kê là phụ gia thức ăn chăn nuôi trong Phụ lục III của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165.

(17) Phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm được sử dụng trong sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến được liệt kê trong hai phần riêng biệt trong Phần A của Phụ lục V của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165. Việc sử dụng một sản phẩm làm phụ gia thực phẩm hoặc làm chất hỗ trợ chế biến phải được xác định theo các định nghĩa về phụ gia thực phẩm và hỗ trợ chế biến trong [Điều 3 \(2\) của Quy định \(EC\) số 1333/2008 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng](#) ⁽³⁰⁾. Tùy thuộc vào chức năng công nghệ của chúng trong sản phẩm cuối cùng, một số sản phẩm được phân loại là chất hỗ trợ chế biến nên được phân loại là phụ gia thực phẩm và một số sản phẩm khác nên được phân loại là phụ gia thực phẩm và là chất hỗ trợ chế biến thực phẩm

tùy theo mục đích sử dụng của chúng. Do đó, danh mục phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm trong Phần A, Phần A1 và A2, của Phụ lục V của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 nên được gộp thành một danh sách duy nhất và cần đặt ra các điều kiện cụ thể hơn cho chất hỗ trợ chế biến cũng có thể được sử dụng làm phụ gia thực phẩm.

(18) Trong danh sách hợp nhất đó, điều kiện cụ thể rằng phụ gia 'canxi cacbonat' không được sử dụng để tạo màu hoặc làm giàu canxi nên được xóa vì các quy tắc được quy định trong Phần IV, điểm 2.2.2 (c), (d) và (f), của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848 đã có điều kiện đó.

(19) Dựa trên các khuyến nghị từ EGTOP về thực phẩm ⁽³¹⁾, giấm đậm nên được đưa vào như một phụ gia thực phẩm trong danh sách phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến được ủy quyền trong Phần A của Phụ lục V của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165.

(20) Trong danh sách các chất phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến được ủy quyền trong Phần A của Phụ lục V của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165, mức tối đa của natri nitrit và kali nitrat phải được biểu thị bằng ion nitrit và ion nitrat, phù hợp với Lượng tiêu thụ hàng ngày được chấp nhận được (ADI) do Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu thiết lập ⁽³²⁾. Vì mục đích đó, nên áp dụng hệ số chuyển đổi giữa natri nitrit và ion nitrit là 0,67 và hệ số chuyển đổi giữa natri nitrat và ion nitrat là 0,73.

(21) Trong Phần A, phần A1, của Phụ lục V của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165, kẹo cao su gellan được liệt kê là phụ gia thực phẩm được ủy quyền sẽ được sản xuất theo các quy tắc sản xuất hữu cơ từ ngày 1 tháng 1 năm 2026. Sản xuất kẹo cao su Gellan phụ thuộc vào việc duy trì chất lượng nguyên liệu thô cụ thể và nhất quán cho vi sinh vật. Cho đến nay, những nỗ lực sản xuất kẹo cao su gellan bằng cách sử dụng nguyên liệu nông nghiệp hữu cơ đã không thành công. Kẹo cao su Gellan được sử dụng như một chất phụ gia trong thực phẩm chế biến hữu cơ. Để tránh gián đoạn sản xuất thực phẩm chế biến hữu cơ, việc sử dụng kẹo cao su gellan không hữu cơ nên tiếp tục được cho phép trong sản xuất hữu cơ. Điều này nên được phản ánh trong mục nhập kẹo cao su gellan trong danh sách hợp nhất các phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến được ủy quyền trong Phần A của Phụ lục V của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165.

(22) Trong Phần A, mục A1, của Phụ lục V của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165, việc sử dụng axit clohydric, hydrogen peroxide và amoni hydroxit được phép sản xuất gelatine với điều kiện sản xuất gelatine tuân thủ các quy tắc sản xuất gelatine được quy định trong Quy định (EC) số 853/2004 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng Châu Âu ⁽³³⁾. Không cần thiết phải lặp lại điều kiện cụ thể đó trong danh sách hợp nhất các phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến được ủy quyền trong Phần A của Phụ lục V của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165.

(23) Trong các khuyến nghị về các chất dinh dưỡng dựa trên nấm men ⁽³⁴⁾, EGTOP xác nhận rằng các chất dinh dưỡng tương ứng với khoáng chất, vitamin và axit amin là những chất kích hoạt lên men thiết yếu để hỗ trợ sản xuất nấm men. Tuy nhiên, EGTOP kết luận rằng việc sử dụng các chất dinh dưỡng tổng hợp không phù hợp với nguyên tắc sản xuất hữu cơ. Do đó, EGTOP khuyến nghị cho phép sử dụng các chất dinh dưỡng hoàn toàn có nguồn gốc từ chiết xuất nấm men hoặc từ chất tự phân để hỗ trợ sản xuất nấm men với số lượng hạn chế lên đến 5% giá thể liên quan được tính theo trọng lượng của chất khô. Do đó, các chất kích hoạt lên men bao gồm các chất dinh dưỡng từ chiết xuất nấm men hoặc chất tự phân nên được liệt kê trong Phần C của Phụ lục V của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 là sản phẩm được ủy quyền, trong giới hạn 5% giá thể.

(24) Theo Phần VI, điểm 3.4, của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, một Quốc gia Thành viên đã nộp hồ sơ xin cấp phép sử dụng nấm men và vi khuẩn axit lactic làm chất điều chỉnh độ axit trong sản xuất rượu vang hữu cơ. Theo Phần D của Phụ lục V của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165, nấm men để sản xuất rượu vang và vi khuẩn axit lactic được phép làm chất lên men. Các chất lên men này cũng thể hiện các đặc tính điều chỉnh độ axit. Vì các chất lên men này là lựa chọn thay thế phù hợp cho các chất điều chỉnh độ axit khác đã được phép sản xuất rượu vang hữu cơ, nên việc sử dụng chúng làm chất điều chỉnh độ axit nên được cho phép và Phần D của Phụ lục V của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 nên được thay đổi cho phù hợp.

(25) Dựa trên khuyến nghị của EGTOP về các sản phẩm bảo vệ thực vật ⁽³⁵⁾, việc sử dụng ethylene để cảm ứng hoa trong dưa và sử dụng trong cây trồng hữu cơ của vi sinh vật không có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen, nên được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ ở các nước thứ ba như các hoạt chất có trong các sản phẩm bảo vệ thực vật. Do đó, nên đưa các chất đó và các điều kiện và giới hạn cụ thể để sử dụng chúng trong Phụ lục VI của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165.

(26) Chất cơ bản 'khoáng chất silicat magiê hydro metasilicate (Talc E 553b)' được liệt kê trong bảng ở điểm 1 của Phụ lục I của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165. Tuy nhiên, điều kiện cụ thể được chỉ ra trong cột 'điều kiện và giới hạn cụ thể' không phải là một hạn chế bổ sung đối với việc sử dụng chất cơ bản đó. Do đó, lỗi này cần được sửa chữa.

(27) Do đó, Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 cần được sửa đổi và sửa chữa cho phù hợp.

(28) Các biện pháp quy định trong Quy chế này phù hợp với ý kiến của Ủy ban Sản xuất hữu cơ,

ĐÃ THÔNG QUA QUY ĐỊNH NÀY:

Điều 1

Sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2021/1165

Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 được sửa đổi như sau:

(1) Điều 10a sau đây được chèn vào:

'Điều 10a

Thủ tục cấp phép cụ thể cho việc sử dụng sản phẩm và chất ở các khu vực ngoài cùng của Liên minh

1. Trong trường hợp một Quốc gia Thành viên cho rằng một sản phẩm hoặc chất nên được cấp phép cụ thể để sử dụng ở khu vực ngoài cùng của Liên minh do các điều kiện cụ thể được quy định tại Điều 45(2) của Quy định (EU) 2018/848, Quốc gia Thành viên có thể yêu cầu Ủy ban thực hiện đánh giá. Vì mục đích đó, Ủy ban sẽ thông báo cho Ủy ban về một hồ sơ mô tả sản phẩm hoặc chất có liên quan, đưa ra lý do cho phép cụ thể đó do các điều kiện cụ thể được quy định tại Điều 45 (2) của Quy định (EU) 2018/848 và giải thích lý do tại sao các sản phẩm và chất được ủy quyền theo Quy định này không đủ để sử dụng do các điều kiện cụ thể ở khu vực ngoài cùng có liên quan. Nó phải đảm bảo rằng hồ sơ phù hợp để được công bố công khai theo luật pháp của Liên minh và quốc gia của các quốc gia thành viên về bảo vệ dữ liệu.

2. Ủy ban sẽ công bố bất kỳ yêu cầu nào được đề cập tại khoản 1.

3. Ủy ban sẽ phân tích hồ sơ được đề cập tại khoản 1. Ủy ban sẽ cho phép sản phẩm hoặc chất dựa trên các điều kiện cụ thể được đề cập trong hồ sơ chỉ khi phân tích của Ủy ban kết luận, nói chung:

(một) sự cho phép cụ thể như vậy là hợp lý ở khu vực ngoài cùng có liên quan;

(b) sản phẩm hoặc chất được mô tả trong hồ sơ tuân thủ các nguyên tắc được quy định trong Chương II, các tiêu chí được quy định tại Điều 24 (3) và điều kiện được quy định tại Điều 24 (5) của Quy định (EU) 2018/848; và

(c) việc sử dụng sản phẩm hoặc chất phù hợp với các quy định có liên quan của luật Liên minh, đặc biệt là đối với các hoạt chất có trong các sản phẩm bảo vệ thực vật, với Quy định (EC) số 396/2005.

Sản phẩm hoặc chất được ủy quyền sẽ được bao gồm trong Phụ lục VI của Quy định này.

4. Khi thời hạn 2 năm được đề cập tại Điều 45 (2) của Quy định (EU) 2018/848 hết hạn, giấy phép sẽ tự động được gia hạn thêm trong khoảng thời gian 2 năm nữa, với điều kiện không có yếu tố mới nào và không có Quốc gia Thành viên hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát nào được công nhận theo Điều 46 (1) của Quy định (EU) 2018/848 phản đối, biện minh rằng kết luận của Ủy ban được đề cập trong đoạn 3 cần phải được đánh giá lại."

- ;
- (2) Phụ lục I được sửa đổi theo Phụ lục I của Quy chế này;
 - (3) Phụ lục II được sửa đổi, bổ sung theo Phụ lục II của Quy chế này;
 - (4) Phụ lục III được sửa đổi theo Phụ lục III của Quy chế này;
 - (5) Phụ lục V được sửa đổi theo Phụ lục IV của Quy chế này;
 - (6) Phụ lục VI được thay thế bằng văn bản quy định tại Phụ lục V của Quy chuẩn này.

Điều 2

Sửa chữa Quy định thực hiện (EU) 2021/1165

Trong bảng ở điểm 1 của Phụ lục I của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165, mục '19C' được thay thế bằng những điều sau:

'19C'	14807-96-6	Khoáng chất silicat magiê hydro metasilicat (Talc E 553b)'
-------	------------	--

Điều 3

Có hiệu lực

Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi sau ngày công bố trên *Tạp chí chính thức của Liên minh Châu Âu*.

Quy định này sẽ ràng buộc toàn bộ và được áp dụng trực tiếp ở tất cả các Quốc gia Thành viên.

Thực hiện tại Brussels, ngày 23 tháng 5 năm 2025.

Đối với Ủy ban

Chủ tịch

Ursula VON DER LEYEN

(¹) [OJ L 150, 14.6.2018, tr. 1](#), ELI: <http://data.europa.eu/eli/reg/2018/848/oj>.

(²) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/1165 ngày 15 tháng 7 năm 2021 cho phép một số sản phẩm và chất được sử dụng trong sản xuất hữu cơ và thiết lập danh sách của chúng ([OJ L 253, 16.7.2021, tr. 13](#), ELI: http://data.europa.eu/eli/reg_impl/2021/1165/oj).

(³) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) số 540/2011 ngày 25 tháng 5 năm 2011 thực hiện Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng liên quan đến danh sách các hoạt chất đã được phê duyệt ([OJ L 153, 11.6.2011, tr. 1](#), ELI: http://data.europa.eu/eli/reg_impl/2011/540/oj).

(⁴) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2020/646 ngày 13 tháng 5 năm 2020 phê duyệt hoạt chất Lavandulyl senecioate là chất có nguy cơ thấp theo Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng liên quan đến việc đưa các sản phẩm bảo vệ thực vật ra thị trường và sửa đổi Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) số 540/2011 ([OJ L 151, 14.5.2020, tr. 3](#), ELI: http://data.europa.eu/eli/reg_impl/2020/646/oj).

(⁵) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/1452 ngày 3 tháng 9 năm 2021 gia hạn phê duyệt hoạt chất kali hydro cacbonat là chất có nguy cơ thấp theo Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng liên quan đến việc đưa các sản phẩm bảo vệ thực vật ra thị trường, và sửa đổi Phụ lục của Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) số 540/2011 ([OJ L 313, 6.9.2021, tr. 30](#), ELI: http://data.europa.eu/eli/reg_impl/2021/1452/oj).

(⁶) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2022/1251 ngày 19 tháng 7 năm 2022 gia hạn phê duyệt các hoạt chất Pheromone Lepidopteran chuỗi thẳng (axetat) là hoạt chất có nguy cơ thấp và Pheromone Lepidopteran chuỗi thẳng (aldehyde và rượu) theo Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng, đồng thời sửa đổi Phụ lục của Quy định Thực hiện của Ủy ban (EU) số 540/2011 ([OJ L 191, 20.7.2022, tr. 35](#), ELI: http://data.europa.eu/eli/reg_impl/2022/1251/oj).

(⁷) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2022/1474 ngày 6 tháng 9 năm 2022 gia hạn việc phê duyệt hoạt chất có nguy cơ thấp mỡ cừu theo Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng liên quan đến việc đưa các sản phẩm bảo vệ thực vật ra thị trường, đồng thời sửa đổi Phụ lục của Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) số 540/2011 ([OJ L 232, 7.9.2022, tr. 3](#), ELI: http://data.europa.eu/eli/reg_impl/2022/1474/oj).

(⁸) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2023/1488 ngày 6 tháng 7 năm 2023 gia hạn việc phê duyệt cát thạch anh hoạt chất có nguy cơ thấp theo Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng, đồng thời sửa đổi Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) số 540/2011 ([OJ L 183, 20.7.2023, tr. 1](#), ELI: http://data.europa.eu/eli/reg_impl/2023/1488/oj).

(⁹) Ủy ban Châu Âu: Tổng cục Sức khỏe và An toàn Thực phẩm, 'Tài liệu hướng dẫn về hoạt chất bán hiệu hóa và các sản phẩm bảo vệ thực vật', SANTE/12815/2014 rev. 11, tháng 1 năm 2024, https://food.ec.europa.eu/document/download/ae787d28-356b-4e42-8c15-89ed8c91faf2_en?filename=pesticides_ppp_app-proc_guide_doss_semiochemicals_202401.pdf.

(¹⁰) EGTOP, 'Báo cáo cuối cùng về nhà kính', ngày 19 tháng 6 năm 2016, https://agriculture.ec.europa.eu/document/download/7ae7f682-cf88-4c1e-8686-afd5617ec7ae_en?filename=final-report-etop-greenhouse-production.pdf.

(¹¹) EGTOP, 'Báo cáo cuối cùng về Bảo vệ thực vật (X) và Phân bón (VII)', ngày 3 tháng 5 năm 2024, https://agriculture.ec.europa.eu/document/download/57c18571-67ba-4e28-b9df-139f2ac36b91_en?filename=egtop-report-ppp-10_and_fertilisers-7_en.pdf.

(¹²) EGTOP, 'Báo cáo cuối cùng về nhà kính', ngày 19 tháng 6 năm 2016, https://agriculture.ec.europa.eu/document/download/7ae7f682-cf88-4c1e-8686-afd5617ec7ae_en?filename=final-report-etop-greenhouse-production.pdf; EGTOP, 'Báo cáo cuối cùng về Phân bón (VI) và Sản phẩm bảo vệ thực vật (VIII)', ngày 28 tháng 8 năm 2023, https://agriculture.ec.europa.eu/document/download/a4561074-266c-40dd-881b-c27f150e3d8a_en?filename=egtop-report-fertilisers-vi-and-ppp-viii_en.pdf.

(¹³) EGTOP, 'Báo cáo cuối cùng về nhà kính', ngày 19 tháng 6 năm 2016, https://agriculture.ec.europa.eu/document/download/7ae7f682-cf88-4c1e-8686-afd5617ec7ae_en?filename=final-report-etop-greenhouse-production.pdf.

(¹⁴) EGTOP, 'Báo cáo cuối cùng về Bảo vệ thực vật (X) và Phân bón (VII)', ngày 3 tháng 5 năm 2024, https://agriculture.ec.europa.eu/document/download/57c18571-67ba-4e28-b9df-139f2ac36b91_en?filename=egtop-report-ppp-10_and_fertilisers-7_en.pdf.

(¹⁵) Quy định (EU) 2019/1009 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 5 tháng 6 năm 2019 đặt ra các quy tắc về việc cung cấp các sản phẩm phân bón của EU trên thị trường và sửa đổi Quy định (EC) số 1069/2009 và (EC) số 1107/2009 và bãi bỏ Quy định (EC) số 2003/2003 ([OJ L 170, 25.6.2019, tr. 1](http://data.europa.eu/eli/reg/2019/1009/oj), ELI: <http://data.europa.eu/eli/reg/2019/1009/oj>).

(¹⁶) EGTOP, 'Báo cáo cuối cùng về Phân bón (VI) và Sản phẩm Bảo vệ Thực vật (VIII)', ngày 28 tháng 8 năm 2023, https://agriculture.ec.europa.eu/document/download/a4561074-266c-40dd-881b-c27f150e3d8a_en?filename=egtop-report-fertilisers-vi-and-ppp-viii_en.pdf.

(¹⁷) EGTOP, 'Báo cáo cuối cùng về Bảo vệ thực vật (X) và Phân bón (VII)', ngày 3 tháng 5 năm 2024, https://agriculture.ec.europa.eu/document/download/57c18571-67ba-4e28-b9df-139f2ac36b91_en?filename=egtop-report-ppp-10_and_fertilisers-7_en.pdf.

(¹⁸) Quy định (EC) số 767/2009 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 13 tháng 7 năm 2009 về việc đưa ra thị trường và sử dụng thức ăn chăn nuôi, sửa đổi Quy định của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (EC) số 1831/2003 và bãi bỏ Chỉ thị của Hội đồng 79/373 / EEC, Chỉ thị của Ủy ban 80/511 / EEC, Chỉ thị của Hội đồng 82/471 / EEC, 83/228 / EEC, 93/74 / EEC, 93/113 / EC và 96/25 / EC và Quyết định của Ủy ban 2004/217 / EC ([OJ L 229 1.9.2009, trang 1](http://data.europa.eu/eli/reg/2009/767/oj), ELI: <http://data.europa.eu/eli/reg/2009/767/oj>).

(¹⁹) Quy định của Ủy ban (EU) 2020/354 ngày 4 tháng 3 năm 2020 thiết lập danh sách mục đích sử dụng thức ăn chăn nuôi cho các mục đích dinh dưỡng cụ thể và bãi bỏ Chỉ thị 2008/38 / EC ([OJ L 67, 5.3.2020, tr. 1](http://data.europa.eu/eli/reg/2020/354/oj), ELI: <http://data.europa.eu/eli/reg/2020/354/oj>).

(²⁰) EGTOP, 'Báo cáo cuối cùng về Thức ăn chăn nuôi (VII) và Thức ăn cho thú cưng (II)', ngày 16 tháng 3 năm 2023,

https://agriculture.ec.europa.eu/document/download/46e56928-5332-4ae5-919e-c5c108422537_en?filename=egtop-report-feed-vii-and-petfood-ii_en.pdf.

(²¹) EGTOP, 'Báo cáo cuối cùng về Thức ăn chăn nuôi (VIII) và Thực phẩm (IX)', ngày 1 tháng 7 năm 2024, https://agriculture.ec.europa.eu/document/download/88317fd1-c9d2-4dca-bbc3-64521f806d09_en?filename=egtop-report-feed-viii_and_food-ix_en.pdf.

(²²) Quy định của Ủy ban (EC) số 2277/2003 ngày 22 tháng 12 năm 2003 sửa đổi Phụ lục I và II của Quy định của Hội đồng (EEC) số 2092/91 về sản xuất hữu cơ nông sản và các chỉ định đề cập đến sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm ([OJ L 336, 23.12.2003, tr. 68](#), ELI: <http://data.europa.eu/eli/reg/2003/2277/oj>).

(²³) Quy định của Ủy ban (EU) số 892/2010 ngày 8 tháng 10 năm 2010 về tình trạng của một số sản phẩm liên quan đến phụ gia thức ăn chăn nuôi trong phạm vi của Quy định (EC) số 1831/2003 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ([OJ L 266, 9.10.2010, tr. 6](#), ELI: <http://data.europa.eu/eli/reg/2010/892/oj>).

(²⁴) Quy định của Ủy ban (EC) số 889/2008 ngày 5 tháng 9 năm 2008 đặt ra các quy tắc chi tiết để thực hiện Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ liên quan đến sản xuất, ghi nhãn và kiểm soát hữu cơ ([OJ L 250, 18.9.2008, tr. 1](#), ELI: <http://data.europa.eu/eli/reg/2008/889/oj>).

(²⁵) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) số 505/2012 ngày 14 tháng 6 năm 2012 sửa đổi và sửa chữa Quy định (EC) số 889/2008 đặt ra các quy tắc chi tiết để thực hiện Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 về sản xuất hữu cơ và dán nhãn các sản phẩm hữu cơ liên quan đến sản xuất, ghi nhãn và kiểm soát hữu cơ ([OJ L 154, 15.6.2012, tr. 12](#), ELI: http://data.europa.eu/eli/reg_impl/2012/505/oj).

(²⁶) Quy định của Ủy ban (EU) số 68/2013 ngày 16 tháng 1 năm 2013 về Danh mục nguyên liệu thức ăn chăn nuôi ([OJ L 29, 30.1.2013, tr. 1](#), ELI: <http://data.europa.eu/eli/reg/2013/68/oj>).

(²⁷) Quy định (EC) số 1831/2003 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 22 tháng 9 năm 2003 về phụ gia sử dụng trong dinh dưỡng động vật ([OJ L 268, 18.10.2003, tr. 29](#), ELI: <http://data.europa.eu/eli/reg/2003/1831/oj>).

(²⁸) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2022/415 ngày 11 tháng 3 năm 2022 liên quan đến việc cấp phép axit malic, axit xitric do *Aspergillus niger* DSM 25794 hoặc CGMCC 4513 / CGMCC 5751 hoặc CICC 40347 / CGMCC 5343 sản xuất, axit sorbic và kali sorbate, axit axetic, natri diacetat và canxi axetat, axit propionic, natri propionat, canxi propionat và amoni propionate, axit formic, natri formate, canxi formate và amoni formate, và axit lactic được sản xuất bởi *Bacillus coagulans* (LMG S-26145 hoặc DSM 23965), hoặc *Bacillus smithii* (LMG S-27890) hoặc *Bacillus subtilis* (LMG S-27889) và

canxi lactate làm phụ gia thức ăn cho một số loài động vật ([OJ L 85, 14.3.2022, tr. 6](#), ELI: http://data.europa.eu/eli/reg_impl/2022/415/oj).

(²⁹) EGTOP, 'Báo cáo cuối cùng về Thức ăn chăn nuôi (VII) và Thức ăn cho thú cưng (II)', ngày 16 tháng 3 năm 2023, https://agriculture.ec.europa.eu/document/download/46e56928-5332-4ae5-919e-c5c108422537_en?filename=egtop-report-feed-vii-and-petfood-ii_en.pdf.

(³⁰) Quy định (EC) số 1333/2008 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 16 tháng 12 năm 2008 về phụ gia thực phẩm ([OJ L 354, 31.12.2008, tr. 16](#), ELI: <http://data.europa.eu/eli/reg/2008/1333/oj>).

(³¹) EGTOP, 'Báo cáo cuối cùng về Thức ăn chăn nuôi (VIII) và Thực phẩm (IX)', ngày 1 tháng 7 năm 2024, https://agriculture.ec.europa.eu/document/download/88317fd1-c9d2-4dca-bbc3-64521f806d09_en?filename=egtop-report-feed-viii_and_food-ix_en.pdf.

(³²) EFSA, *Đánh giá lại kali nitrit (E 249) và natri nitrit (E 250) làm phụ gia thực phẩm*, Tạp chí EFSA 2017; 15(6):4786, <https://doi.org/10.2903/j.efsa.2017.4786>.

(³³) Quy định (EC) số 853/2004 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 29 tháng 4 năm 2004 đặt ra các quy tắc vệ sinh cụ thể đối với thực phẩm có nguồn gốc động vật ([OJ L 139, 30.4.2004, tr. 55](#), ELI: <http://data.europa.eu/eli/reg/2004/853/oj>).

(³⁴) EGTOP, 'Báo cáo cuối cùng về Thực phẩm (X)', ngày 31 tháng 1 năm 2025, https://agriculture.ec.europa.eu/document/download/c4cef8da-34a4-48f7-9f5d-2c97f86f2a15_en?filename=egtop-report-food-x_en.pdf.

(³⁵) EGTOP, 'Báo cáo cuối cùng về Phân bón (VI) và Sản phẩm bảo vệ thực vật (VIII)', ngày 28 tháng 8 năm 2023, https://agriculture.ec.europa.eu/document/download/a4561074-266c-40dd-881b-c27f150e3d8a_en?filename=egtop-report-fertilisers-vi-and-ppp-viii_en.pdf; EGTOP, 'Báo cáo cuối cùng về bảo vệ thực vật (IX)', ngày 14 tháng 12 năm 2023, https://agriculture.ec.europa.eu/document/download/5a183a99-2e86-4add-a0ae-27fc519e5c11_en?filename=egtop-report-ppp-ix_en.pdf.

PHỤ LỤC I

Phụ lục I của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 được sửa đổi như sau:

(1) tại điểm 2, bảng được sửa đổi như sau:

(một) mục sau được chèn vào giữa các mục '16D' và '20D':

'19D	23960-07-8	Lavandulyl senecioate'	
------	------------	------------------------	--

(b) Các mục sau đây được thêm vào sau mục nhập cho các chất có nguy cơ thấp khác có nguồn gốc thực vật hoặc động vật *:

'32D	298-14-6	Kali hydro cacbonat	
38D		Pheromone lepidopteran chuỗi thẳng (axetat)	
39 độ	98999-15-6	Mỡ cừu	sử dụng làm thuốc xoa đuổi bởi mùi'
44 độ	14808-60-7 và 7631-86-9	Cát thạch anh Silic điôxít	

(2) Tại điểm 4, bảng được sửa đổi như sau:

(một) các mục '244A', '247A', '249A' và '255A và các mục khác' bị xóa;

(b) mục sau được chèn vào giữa các mục '47B' và '10E':

'153B và những người khác	Pheromone và các hóa chất bán ý khác
---------------------------	--------------------------------------

PHỤ LỤC II

Phụ lục II của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 được sửa đổi như sau:

(1) Trong bảng, mục 'Sản phẩm và sản phẩm phụ có nguồn gốc thực vật cho phân bón' được thay thế bằng các mục sau:

'Sản phẩm và phụ phẩm có nguồn gốc thực vật	ví dụ: bột bánh hạt có dầu, vỏ ca cao, củ mạch nha
---	--

(2) Trong bảng, mục 'bột đá, đất sét và khoáng chất đất sét' được thay thế bằng như sau:

'Bột đá, cát có nguồn gốc tự nhiên, đất sét và khoáng chất đất sét	ví dụ: đá trân châu, cát và vermiculite, bao gồm cả khi xử lý nhiệt, đá trân châu, cát và vermiculite, bao gồm cả khi được xử lý nhiệt, cũng có thể được sử dụng để sản xuất hạt nảy mầm như một môi trường tro như được đề cập trong Phần I, điểm 1.3 (a), của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848'
--	---

(3) Trong bảng, các mục sau được thêm vào sau mục 'muối selen':

'Carbon dioxide	sử dụng để làm giàu nước để sản xuất tảo trên đất liền trong các hệ thống khép kín; trong trường hợp này, carbon dioxide phải ở cấp thực phẩm nếu có, carbon dioxide sẽ được thu được như một sản phẩm phụ của các quy trình khác hoặc từ các nguồn tái tạo theo Chỉ thị (EU) 2018/2001 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ^(*) Cũng có thể được sử dụng trong sản xuất nhà kính
Canxi axetat	chỉ bón lá trên rau trong nhà kính và trên cây táo để ngăn ngừa thiếu canxi thu được từ canxi cacbonat có nguồn gốc tự nhiên
Canxi photphat	chỉ khi có nguồn gốc từ tro bùn thải chỉ các sản phẩm tuân thủ các yêu cầu của Quy định (EU) 2019/1009
Thảm sợi thực vật	Chất xơ có nguồn gốc thực vật, chẳng hạn như sợi gai dầu, sợi lanh, xơ dừa không bổ sung bất kỳ phân bón, chất điều hòa đất hoặc chất dinh dưỡng cũng như phụ gia hoặc chất kết dính, chỉ được sản xuất bằng cơ học chỉ dành cho sản xuất hạt nảy mầm như một môi trường trợ được đề cập trong Phần I, điểm 1.3 (a), của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848 Khi có sẵn, phải sử dụng nguyên liệu từ sản xuất hữu cơ
Canxi và magiê gluconate	có nguồn gốc từ quá trình lên men vi sinh vật

^(*) Chỉ thị (EU) 2018/2001 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc thúc đẩy sử dụng năng lượng từ các nguồn tái tạo ([OJ L 328, 21.12.2018, tr. 82](#), ELI: <http://data.europa.eu/eli/dir/2018/2001/oj>).!

PHỤ LỤC III

Phụ lục III của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 được sửa đổi như sau:

(1) Phần A được sửa đổi như sau:

(một) Ở điểm (1), trong bảng, mục '11.1.6' được thay thế bằng như sau:

'11.1.6	Canxi clorua	chỉ có thể được sử dụng làm "thức ăn dành cho các mục đích dinh dưỡng cụ thể" được xác định tại Điều 3 (2), điểm (o), của Quy định (EC) số 767/2009 để giảm nguy cơ sốt sữa và hạ canxi máu cận lâm sàng theo Phần B, mục "60", của Phụ lục Quy định của Ủy ban (EU) 2020/354 ^(*) , bao gồm cả công thức bolus canxi clorua khi được tinh chế từ nước muối tự nhiên, nếu có chỉ dành cho bò sữa có nhu cầu và trong một thời gian giới hạn
---------	--------------	---

(b) tại điểm (2), bảng được sửa đổi như sau:

(i) Các mục sau được chèn vào giữa các mục '12.1.5' và '12.1.12':

'Ex 12.1.9	Protein đơn bào từ <i>Trichoderma viride</i> và <i>Aspergillus oryzae</i>	chỉ từ chủng không biến đổi gen và môi trường nuôi cấy không thu được từ chất nền có nguồn nitơ tổng hợp thu được từ chất nền đến từ sản xuất hữu cơ khi được sử dụng cho động vật nhai lại và các động vật ăn cỏ khác Khi được sử dụng, chất chống tạo bọt phải được phép sản xuất hữu cơ
12.1.10	Sản phẩm từ <i>Bacillus subtilis</i> giàu protein	chỉ từ chủng không biến đổi gen và môi trường nuôi cấy không thu được từ chất nền có nguồn nitơ tổng hợp thu được từ chất nền đến từ sản xuất hữu cơ khi được sử dụng cho động vật nhai lại và các động vật ăn cỏ khác khi sử dụng, chất chống tạo bọt phải được phép sản xuất hữu cơ

(ii) Mục sau được chèn vào giữa các mục '12.1.12' và '13.11.1':

'Ex 13.6.4	Canxi stearat'	
------------	----------------	--

(iii) Mục '13.11.1' được thay thế bằng mục sau:

'13.11.1	Propylene glycol; [1,2-propandiol]; [propan-1,2-diol]	chỉ có thể được sử dụng làm "thức ăn cho các mục đích dinh dưỡng cụ thể" được định nghĩa trong Điều 3 (2), điểm (o), của Quy định (EC) số 767/2009 để giảm nguy cơ ketosis theo Phần B, mục nhập bảng "61", của Phụ lục của Quy định (EU) 2020/354, bao gồm cả công thức bolus chỉ dành cho bò sữa, cừu cái và dê có nhu cầu và trong một thời gian giới hạn'
----------	---	--

(2) Phần B được sửa đổi như sau:

(một) Tại điểm (1)(a), bảng được thay thế bằng các nội dung sau:

Số ID hoặc nhóm chức năng	Tên	Điều kiện và giới hạn cụ thể
1A200	Axit sorbic	
1k236	Axit formic	
1k237i	Natri formate	
1a260	Axit axetic	
1a270 1a270i	Axit lactic	
1k280	Axit propionic	
1a282 ·	Canxi propionate	chỉ có thể được sử dụng làm "thức ăn cho các mục đích dinh dưỡng cụ thể" được xác định tại Điều 3 (2), điểm (o), của Quy định (EC) số 767/2009 để giảm nguy cơ sốt sữa và hạ canxi máu cận lâm sàng theo Phần B, mục "60", của Phụ lục của Quy định (EU) 2020/354, bao gồm cả công thức bolus chỉ dành cho bò sữa có nhu cầu và trong một thời gian giới hạn'
1a330 ·	Axit xitric	

(b) Trong điểm (1)(c), trong bảng, mục '1c322, 1c322i' được thay thế bằng như sau:

'1c322, 1c322i	Lecithin	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ từ ngày 1 tháng 1 năm 2027, chỉ từ sản xuất hữu cơ'
-------------------	----------	---

(c) tại điểm (3)(b) được sửa đổi, bổ sung bảng như sau:

(i) Mục sau được chèn vào giữa các mục '3B104' và '3B107':

'3b105	Sắt (II) fumarate	chỉ có thể được sử dụng làm "thức ăn cho các mục đích dinh dưỡng cụ thể" được định nghĩa tại Điều 3(2), điểm (o), của Quy định (EC) số 767/2009 để bù đắp cho việc không đủ sắt sau khi sinh theo Phần B, mục "64", của Phụ lục của Quy định (EU) 2020/354 chỉ dành cho lợn con bú có nhu cầu và trong một thời gian giới hạn'
--------	----------------------	---

(ii) Mục '3B110' được thay thế bằng mục sau:

'3b110	Sắt dextran 10%	chỉ có thể được sử dụng làm "thức ăn cho các mục đích dinh dưỡng cụ thể" được định nghĩa tại Điều 3(2), điểm (o), của Quy định (EC) số 767/2009 để bù đắp cho việc không đủ sắt sau khi sinh theo Phần B, mục "64", của Phụ lục của Quy định (EU) 2020/354 môi trường trồng cho quá trình lên men dextran phải có nguồn gốc không biến đổi gen chỉ dành cho lợn con bú có nhu cầu và trong một thời gian giới hạn'
--------	-----------------------	--

(d) Điểm sau được thêm vào:

‘(5) HỖ TRỢ CHẾ BIẾN

Đối với các thiết bị hỗ trợ chế biến như được định nghĩa tại Điều 2 (2), điểm (h), của Quy định (EC) số 1831/2003, các điều kiện và giới hạn cụ thể được nêu trong bảng sau sẽ được áp dụng.

Tên	Điều kiện và giới hạn cụ thể
Êtanol	chỉ được sử dụng làm dung môi chiết để sản xuất bột protein và chỉ khi bột protein từ chiết xuất cơ học không có đủ số lượng chỉ từ lên men nếu có chỉ từ sản xuất hữu cơ nếu có

Papain	chỉ dành cho việc sản xuất nội tạng hương liệu để sản xuất thức ăn cho vật nuôi được quy định tại điểm 18 của Phụ lục I của Quy định (EU) số 142/2011 với điều kiện là enzyme bị bất hoạt trong quá trình và do đó không có mặt như vậy trong nội tạng hương liệu thu được và không có bất kỳ tác dụng công nghệ nào đối với sản phẩm từ ngày 1 tháng 1 năm 2027, chỉ từ nguyên liệu hữu cơ'
--------	--

(*1) Quy định của Ủy ban (EU) 2020/354 ngày 4 tháng 3 năm 2020 thiết lập danh sách mục đích sử dụng thức ăn chăn nuôi cho các mục đích dinh dưỡng cụ thể và bãi bỏ Chỉ thị 2008/38 / EC ([OJ L 67, 5.3.2020, tr. 1](#), ELI: <http://data.europa.eu/eli/reg/2020/354/oj>).!

PHỤ LỤC IV

Phụ lục V của Quy định thực hiện (EU) 2021/1165 được sửa đổi như sau:

(1) Phần A được thay thế bằng phần sau:

'PHẦN A

Phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến được ủy quyền được đề cập tại Điều 24 (2), điểm (a) của Quy định (EU) 2018/848, bao gồm các chất mang và các chất khác được sử dụng theo cùng cách và cùng mục đích như chất hỗ trợ chế biến

Các loại thực phẩm hữu cơ có thể thêm phụ gia thực phẩm nằm trong giới hạn ủy quyền được đưa ra theo Quy định (EC) số 1333/2008.

Các điều kiện và giới hạn cụ thể được nêu trong bảng dưới đây sẽ được áp dụng ngoài các điều kiện ủy quyền theo Quy định (EC) số 1333/2008.

Việc sử dụng làm phụ gia thực phẩm hoặc làm chất hỗ trợ chế biến sẽ được quy định theo từng trường hợp cụ thể theo Quy định (EC) số 1333/2008 và luật pháp quốc gia về chất hỗ trợ chế biến.

Với mục đích tính toán tỷ lệ phần trăm được đề cập trong Điều 30 (5) của Quy định (EU) 2018/848, phụ gia thực phẩm được đánh dấu hoa thị trong cột "Số E hoặc Einescs, hoặc cả hai" sẽ được tính là thành phần có nguồn gốc nông nghiệp.

Số điện tử hoặc	Tên	Thực phẩm hữu cơ có thể sử dụng phụ gia hoặc chất hỗ trợ chế biến và các điều kiện và giới hạn cụ thể
-----------------	-----	---

Einecs(*) hoặc cả hai		Sử dụng như một chất phụ gia	Sử dụng như một chất hỗ trợ chế biến
E 153	Carbon thực vật	Vỏ phô mai ăn được của phô mai dê tro	
		Phô mai Morbier	
E 160b(i)*	Annatto bixin	Phô mai Leicester đỏ	
		Phô mai Double Gloucester	
		Cheddar	
		Phô mai Mimolette	
E 160b (ii) *	Annatto norbixin	Phô mai Leicester đỏ	
		Phô mai Double Gloucester	
		Cheddar	
		Phô mai Mimolette	
E 170 / 207-439-9 và 215-279-6	Canxi cacbonat	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật
E 220 ·	Lưu huỳnh điôxit	Rượu trái cây (rượu được làm từ trái cây khác ngoài nho, bao gồm rượu táo và rượu táo) và mật ong có và không thêm đường 100 mg/l (mức tối đa có sẵn từ tất cả các nguồn, được biểu thị bằng SO2 tính bằng mg/l)	
E 223 ·	Natri metabisulphite	động vật giáp xác	
E 224	Kali metabisulphite	Rượu trái cây (rượu được làm từ trái cây khác ngoài nho, bao gồm rượu táo và rượu táo) và mật ong có và không thêm đường	

		100 mg/l (mức tối đa có sẵn từ tất cả các nguồn, được biểu thị bằng SO ₂ tính bằng mg/l)	
E 250	Natri nitrit	Sản phẩm thịt chỉ có thể được sử dụng, nếu cơ quan có thẩm quyền đã chứng minh được sự hài lòng của cơ quan có thẩm quyền rằng không có giải pháp thay thế công nghệ, đưa ra các đảm bảo tương tự và / hoặc cho phép duy trì các tính năng cụ thể của sản phẩm, có sẵn không kết hợp với E252 lượng tối đa có thể được thêm vào trong quá trình sản xuất được biểu thị bằng ion NO₂: 50 mg / kg lượng dư tối đa từ tất cả các nguồn cho sản phẩm sẵn sàng để tiếp thị trong suốt thời hạn sử dụng của sản phẩm được biểu thị bằng ion NO₂: 30 mg / kg	
Tập 252	Kali nitrat	Sản phẩm thịt chỉ có thể được sử dụng, nếu cơ quan có thẩm quyền đã chứng minh được sự hài lòng của cơ quan có thẩm quyền rằng không có giải pháp thay thế công nghệ, đưa ra các đảm bảo tương tự và / hoặc cho phép duy trì các tính năng cụ thể của sản phẩm, có sẵn không kết hợp với E250	

		lượng tối đa có thể được thêm vào trong quá trình sản xuất được biểu thị bằng ion NO₃: 55 mg / kg lượng dư tối đa từ tất cả các nguồn cho sản phẩm sẵn sàng để tiếp thị trong suốt thời hạn sử dụng của sản phẩm được biểu thị bằng ion NO₃: 35 mg / kg	
E 267*	Giấm đậm	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật chỉ từ sản xuất hữu cơ	
E 270/200-018-0	Axit lactic	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	phó mát để điều chỉnh độ pH của bồn tắm nước muối trong sản xuất pho mát
E 290 / 204-696-9	Carbon đioxit	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật
E 296	Axit malic	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
E 300	Axit ascorbic	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật Các sản phẩm thịt (loại 08,3 (++)) và chế phẩm thịt (loại 08,2 (++)) có thêm các thành phần khác ngoài phụ gia hoặc muối	
E 301 ·	Natri ascorbate	Sản phẩm thịt chỉ có thể được sử dụng liên quan đến nitrat và nitrit	
E 306*	Chiết xuất giàu tocopherol	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	

		chỉ dưới dạng chất chống oxy hóa	
E 322*	Lecithin	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật chỉ từ sản xuất hữu cơ	
E 325 ·	Natri lactate	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
		Sản phẩm làm từ sữa	
		Sản phẩm thịt	
E 330 / 201-069-1	Axit xitric	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật
E 331 ·	Natri citrat	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 333 ·	Canxi citrate	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
E 334 ·	Axit tartaric (L (+) -)	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật rượu mật ong	
E 335*	Natri tartrat	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật từ ngày 1 tháng 1 năm 2027, chỉ từ sản xuất hữu cơ	
E 336*	Kali tartrat	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật từ ngày 1 tháng 1 năm 2027, chỉ từ sản xuất hữu cơ	
E 337*	Kali natri tartrate	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật từ ngày 1 tháng 1 năm 2027, chỉ từ sản xuất hữu cơ	

E 341 (i)	Monocalcium phosphate	bột mì tự nuôi chỉ làm đại lý nuôi dưỡng	
E 392*	Trích xuất của Rosemary	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật chỉ từ sản xuất hữu cơ	
E 400	Axit alginic	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
		Các sản phẩm sữa	
E 401 ·	Natri alginat	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
		Các sản phẩm sữa	
		xúc xích làm từ thịt	
E 402 ·	Kali alginate	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
		Sản phẩm làm từ sữa	
E 406 ·	Thạch	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
		Sản phẩm làm từ sữa	
		Sản phẩm thịt	
E 407 ·	Carrageenan	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
		Sản phẩm làm từ sữa	
E 410*	Kẹo cao su đậu châu chấu	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật chỉ từ sản xuất hữu cơ	
E 412*	Kẹo cao su Guar	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật chỉ từ sản xuất hữu cơ	
E 414*	Kẹo cao su Ả Rập	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	

		chỉ từ sản xuất hữu cơ	
E 415 .	Kẹo cao su Xanthan	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 417*	Kẹo cao su Tara	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật chỉ từ sản xuất hữu cơ chỉ làm chất làm đặc	
E 418*	Kẹo cao su Gellan	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật từ sản xuất hữu cơ, nếu có chỉ có dạng acyl cao	
E 422*	Glycerol	chiết xuất thực vật và hương liệu chỉ từ nguồn gốc thực vật chỉ từ sản xuất hữu cơ làm dung môi và chất mang như chất giữ ẩm trong viên nang gel làm lớp phủ bề mặt của viên nén	
E 440 (i) *	Pectin	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
		Sản phẩm làm từ sữa	
E 460 / 232-674-9	Cellulose	gelatine	gelatine
			Sản phẩm có nguồn gốc thực vật
E 464	Hydroxypropyl methyl cellulose	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật chỉ làm vật liệu đóng gói cho viên nang	

E 500 / 207-838-8, 205-633-8, 208-580-9	Natri cacbonat	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật
Điện 501 / 209-529-3, 206-059-0	Kali cacbonat	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật	Nho chỉ làm chất làm khô để sản xuất nho khô
E 503 .	Amoni cacbonat	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
E 504	Magiê cacbonat	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
E 509 / 233-140-8	Canxi clorua	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật chỉ để gây đông máu	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật chỉ như chất làm rõ / keo tụ
		Sản phẩm làm từ sữa chỉ như chất ổn định	
		xúc xích làm từ thịt chỉ để gây đông máu để tạo thành vỏ bọc	
E 511 / 232-094-6	Magiê clorua	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật chỉ để gây đông máu	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật chỉ như chất làm rõ / keo tụ
E 516 / 231-900-3	Canxi sunfat	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật chỉ làm người mang hoặc gây đông máu	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật chỉ như chất làm rõ / keo tụ
E 524 / 215-185-5	Natri hydroxit	Laugengebäck được xử lý bề mặt Chỉ như xử lý bề mặt	Đường
		hương liệu	dầu có nguồn gốc thực vật không bao gồm dầu ô liu

		chỉ như chất điều chỉnh độ axit	chiết xuất protein thực vật
E 551 / 231-545-4	Silic điôxít	cacao	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật
		chỉ làm chất chống đóng cục để sử dụng trong máy pha chế tự động	
		thảo mộc và gia vị ở dạng bột khô	
		hương liệu	
		keo ong	
E 553b	Tan	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật
		xúc xích làm từ thịt Chỉ như xử lý bề mặt	
E 901 * / 232-383-7	Sáp ong	Bánh kẹo chỉ từ sản xuất hữu cơ chỉ làm chất tráng men	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật chỉ từ sản xuất hữu cơ chỉ làm chất giải phóng
E 903 * / 232-399-4	Sáp Carnauba	Bánh kẹo chỉ từ sản xuất hữu cơ chỉ làm chất tráng men	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật chỉ từ sản xuất hữu cơ chỉ làm chất giải phóng
		trái cây họ cam quýt chỉ từ sản xuất hữu cơ chỉ là phương pháp giảm thiểu đối với việc bắt buộc xử lý quá lạnh đối với trái cây đối với các sinh vật có hại theo Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2019/2072 (***)	

E 938 ·	Agon	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 939 ·	Heli	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 941 / 231-783-9	Nitơ	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật
E 948 ·	Ôxy	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 968*	Erythritol	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật chỉ từ sản xuất hữu cơ mà không sử dụng công nghệ trao đổi ion	
-/200-578-6	Êtanol		Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật chỉ làm dung môi trên sơn lót kết tinh để sản xuất đường và / hoặc dung môi chiết xuất
-/200-580-7	Axit axetic		Sản phẩm có nguồn gốc thực vật từ sản xuất hữu cơ, nếu có
			cá từ sản xuất hữu cơ, nếu có
-/215-108-5	Bentonit		Sản phẩm có nguồn gốc thực vật
			rượu mật ong

			chỉ làm tác nhân dính
-/215-137-3	Canxi hydroxit		Sản phẩm có nguồn gốc thực vật
-/231-595-7	Axit clohydric		gelatine
			Phô mai Gouda, Edam và Maasdammer, Boerenkaas, Friese và Leidse Nagelkaas chỉ như điều chỉnh độ pH của bể nước muối trong chế biến pho mát
-/231-639-5	Axit sunfuric		gelatine
			Đường
-/231-765-0	Hydrogen peroxide		gelatine
-/232-554-6	Gelatine		Sản phẩm có nguồn gốc thực vật
-/232-555-1	Casein		Sản phẩm có nguồn gốc thực vật
-/293-292-6	Thạch		Sản phẩm có nguồn gốc thực vật
-/931-328-0	Than hoạt tính		Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật
	Amoni hydroxit		gelatine
	Diammonium phosphate		rượu trái cây, rượu táo, perry và mead
	L (+) axit lactic từ quá trình lên men		chiết xuất protein thực vật

	Thiamin hydrochloride		rượu trái cây, rượu táo, perry và mead
	Đất tảo cát		Sản phẩm có nguồn gốc thực vật
			gelatine
	Albumin lòng trắng trứng		Sản phẩm có nguồn gốc thực vật
	Chiết xuất hoa bia		Sản phẩm có nguồn gốc thực vật
			từ sản xuất hữu cơ, nếu có
			chỉ dành cho mục đích kháng khuẩn
	Vỏ hạt phi		Sản phẩm có nguồn gốc thực vật
	Đá trân châu		Sản phẩm có nguồn gốc thực vật
			gelatine
	Chiết xuất nhựa thông		Sản phẩm có nguồn gốc thực vật
			từ sản xuất hữu cơ, nếu có
			chỉ dành cho mục đích kháng khuẩn
	Bột cơm		Sản phẩm có nguồn gốc thực vật
	Axit tannic		Sản phẩm có nguồn gốc thực vật
			chỉ làm hỗ trợ lọc
	Dầu thực vật		Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật

			chỉ từ sản xuất hữu cơ chỉ làm chất bôi trơn, giải phóng hoặc chống tạo bọt
	Giấm		Sản phẩm có nguồn gốc thực vật chỉ từ sản xuất hữu cơ
			cá chỉ từ sản xuất hữu cơ
	Nước		Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật nước dành cho con người tiêu dùng theo nghĩa của Chỉ thị (EU) 2020/2184 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng (****)
	Sợi gỗ		Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật nguồn gỗ được hạn chế đối với gỗ được chứng nhận, khai thác bền vững Gỗ sử dụng không được chứa các thành phần độc hại (xử lý sau thu hoạch, độc tố tự nhiên hoặc độc tố từ vi sinh vật)

(2) trong Phần C, trong bảng, mục sau được thêm vào sau mục 'dầu thực vật':

'Chất kích hoạt lên men	X	Chất dinh dưỡng từ chiết xuất nấm men hoặc tự phân lên đến 5% giá thể tính theo trọng lượng của chất khô'
-------------------------	---	---

(3) tại Phần D, bảng được sửa đổi như sau:

(một) Mục 'men để sản xuất rượu vang' được thay thế bằng những điều sau:

'Men để sản xuất rượu vang	Phần A, Bảng 2, điểm 1.11	đối với các chủng nấm men riêng lẻ, hữu cơ nếu có'
	Phần A, Bảng 2, điểm 9.1	

(b) Mục 'vi khuẩn axit lactic' được thay thế bằng những điều sau:

'Vi khuẩn axit lactic	Phần A, Bảng 2, điểm 1.12
	Phần A, Bảng 2, điểm 9.2'

(*) Kiểm kê Châu Âu về các chất hóa học thương mại hiện có ([OJ C 146, 15.6.1990, tr. 4](#)).

(**) Các loại thực phẩm trong Phần D của Phụ lục II của Quy định (EC) số 1333/2008 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 16 tháng 12 năm 2008 về phụ gia thực phẩm ([OJ L 354, 31.12.2008, tr. 16](#), ELI: <http://data.europa.eu/eli/reg/2008/1333/oj>).

(***) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2019/2072 ngày 28 tháng 11 năm 2019 thiết lập các điều kiện thống nhất để thực hiện Quy định (EU) 2016/2031 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu, liên quan đến các biện pháp bảo vệ chống lại sâu bệnh hại cây trồng, và bãi bỏ Quy định của Ủy ban (EC) số 690/2008 và sửa đổi Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2018/2019 ([OJ L 319, 10.12.2019, tr. 1](#), ELI: http://data.europa.eu/eli/reg_impl/2019/2072/oj).

(****) Chỉ thị (EU) 2020/2184 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 16 tháng 12 năm 2020 về chất lượng nước dành cho con người ([OJ L 435, 23.12.2020, tr. 1](#), ELI: <http://data.europa.eu/eli/dir/2020/2184/oj>);

PHỤ LỤC V

'PHỤ LỤC VI

Các sản phẩm và chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ ở các nước thứ ba và ở các khu vực ngoài cùng của Liên minh theo Điều 45 (2) của Quy định (EU) 2018/848

PHẦN A

CÁC SẢN PHẨM VÀ CHẤT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TRONG SẢN XUẤT HỮU CƠ Ở CÁC NƯỚC THỨ BA

Hoạt chất được sử dụng trong các sản phẩm bảo vệ thực vật

Các hoạt chất được liệt kê trong bảng dưới đây có thể được sử dụng trong sản xuất hữu cơ ở các nước thứ ba, miễn là chúng tuân thủ luật pháp nước thứ ba có liên quan, được miễn mức dư lượng tối đa theo hướng dẫn của Codex Alimentarius CXG 97-2022 ^(*), được bao gồm trong Phụ lục IV của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ^(**) hoặc mức dư lượng tối đa cụ thể đã được quy định trong Quy chế đó. Chúng phải tuân theo các điều kiện và giới hạn cụ thể tương ứng được nêu trong bảng đó.

Số CAS	Tên hoạt chất	Điều kiện và giới hạn cụ thể
	Vi sinh vật bao gồm cả vi rút, khi được sử dụng làm chất kiểm soát sinh học	không có nguồn gốc GMO không được sản xuất bằng cách sử dụng môi trường trồng có nguồn gốc GMO
74-85-1	Ethylene	để cảm ứng hoa trong dứa

PHẦN B

CÁC SẢN PHẨM VÀ CHẤT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TRONG SẢN XUẤT HỮU CƠ Ở CÁC KHU VỰC NGOÀI CÙNG CỦA LIÊN MINH

Hoạt chất được sử dụng trong các sản phẩm bảo vệ thực vật

Các hoạt chất được liệt kê trong bảng dưới đây có thể được sử dụng trong sản xuất hữu cơ ở các khu vực ngoài cùng của Liên minh, miễn là chúng tuân thủ các quy định có liên quan của luật Liên minh và nếu có, với các quy định quốc gia dựa trên luật Liên minh.

.

^(*) <https://www.fao.org/fao-who-codexalimentarius/codex-texts/guidelines/en>.

^(**) Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 23 tháng 2 năm 2005 về mức dư lượng tối đa của thuốc trừ sâu trong hoặc trên thực phẩm và thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật và động vật và sửa đổi Chỉ thị của Hội đồng 91/414/EEC ([OJ L 70, 16.3.2005, tr. 1](http://data.europa.eu/eli/reg/2005/396/oj), ELI: <http://data.europa.eu/eli/reg/2005/396/oj>).'

ELI: http://data.europa.eu/eli/reg_impl/2025/973/oj

ISSN 1977-0677 (phiên bản điện tử)